CÔNG TY CỔ PHẦN
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HẬU GIANG
PTN VLVÀ KĐ CL CÔNG TRÌNH
LAS-XD 237
Số:02/VB.2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Cần Thơ, ngày 16 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Cần Thơ

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ giấy chứng nhận thí nghiệm chuyên ngành thí nghiệm số 271/GCN-BXD ngày 21/12/2021.

Căn cứ biên bản đánh giá thực tế tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 14/12/2021 của Bộ Xây dựng.

Công ty cổ phần kiểm định xây dựng Hậu Giang công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

I. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Công ty cổ phần kiểm định xây dựng Hậu Giang

- Quyết định thành lập số: 1800549048, đăng ký lần đầu: ngày 31/12/2003, đăng ký thay đổi lần 6: ngày 26/11/2012
- Địa chỉ: Lô 42, đường B31, KDC 91B, Phường Tân An, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
- Mã số thuế: 1800549048
- Người đại diện theo pháp luật: Huỳnh Ngọc Minh Châu.
- Điện thoại: 0292.3782064 – 0918.684790
- Email: chaukdhg237@gmail.com.
- Web: haugianglas237.com

2. Thông tin phòng thí nghiệm

Phòng thí nghiệm Vật liệu và kiểm định chất lượng công trình.

(Đã được cấp giấy chứng nhận số 271/GCN-BXD Mã số: LAS-XD 237)

- Địa chỉ: Lô 42, đường B31, KDC 91B, Phường Tân An, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
- Trưởng phòng thí nghiệm: Lê Phú Đăng.
- Điện thoại: 0909945400

3. Thông tin về trạm thí nghiệm hiện trường: không có

II. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

STT	Các chỉ tiêu thí nghiệm được công nhận	Tiêu chuẩn kỹ thuật và phương pháp thử	Máy móc, thiết bị thí nghiệm tương ứng với phép thử
1	**CƠ LÝ XI MĂNG**		
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03	Sàng 0.09 mm, cân, bình tỷ trọng
	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11	Khuôn đúc mẫu, máy nén và uốn mẫu
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích và hàm lượng bọt khí trong vữa và xi măng	TCVN 6017:15	Cân, Kim Vika, khuôn đúc
	Xác định độ bền nén bằng phương pháp nhanh	TCVN 3736:82	Máy thử kéo nén, máy kiểm tra độ bền nén
2	**HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG**		
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022 ASTM C143 AASHTO T119	Côn sụt, thước đo
	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022	Thùng kim loại 5 lít hoặc 15 lít, thiết bị đầm, cân kỹ thuật, thước lá bằng thép
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022	Khuôn thép 200x200x200mm, bàn rung tần số 2900±100 vòng phút, thanh thép tròn đường kính16mm, cân kỹ thuật, sàng 5mm, thước lá kim loại, tủ sấy, khay chứa
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật, búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy, nước lọc, dầu hỏa, sàng 2mm hoặc 2,5mm
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, tủ sấy , khăn lau
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022	Cân kỹ thuật, thước lá kim loại, cân thủy tĩnh , bếp điện và thùng nấu Paraphin, tủ sấy
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022 ASTM C39 AASHTO T22	Máy nén bê tông

	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCXDVN376:06	Lực kế và các loại kim xuyên tiêu chuẩn, khuôn chưa mẫu thử, sàng tiêu chuẩn, que chọc, nhiệt kế, pipet
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	Máy thử uốn, thước lá kim loại
	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2022	Máy nén, gối truyền tải, gỗ đệm
	Xác định nhiệt độ trong hỗn hợp bê tông	TCVN 9340: 2012	Thùng chứa mẫu; nhiệt kế thí nghiệm
	Xác định độ chảy xoè của hỗn hợp bê tông	ASTM C1611	Côn chuẩn; bàn chuẩn; chày đầm gỗ
	Xác định thành phần cấp phối bê tông	Số 778/1998/QĐ-BXD TCVN10306 :14 TCVN 10796 : 15 TCVN 9382 : 12 ACI 211.1	Máy trộn, côn thử độ sụt, cân kỹ thuật, khuôn đúc mẫu, máy nén,…
3	**THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA**		
	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572:06; ASTM C136 AASHTO T27 TCVN 14135-5: 24	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân, tủ sấy
	Xác định Hàm lượng hạt trên sàng nhỏ hơn sàng No200 (0,075mm) bằng phương pháp rửa	TCVN 14135-4 : 24 AASHTO T11	Cân kỹ thuật, bộ sàng; thùng đừng mẫu; khay đựng
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572:06; ASTM C127 ASTM C128 AASHTO T84 AASHTO T85	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình dung tích bằng thủy tinh, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, khay chứa
	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hỏng	TCVN 7572:06; ASTM C29/C29M AASHTO T19	Thùng đong 1 lít, 2 lít, 5 lít, 10 lít và 20 lít, cân kỹ thuật, phễu chứa vật liệu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước lá kim loại, thanh gỗ
	Xác định độ ẩm	TCVN 7572:06; ASTM C70 AASHTO T142	Hộp nhôm hay khay nhôm, cân kỹ thuật, tủ sấy, dụng cụ đảo mẫu
	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572:06; ASTM C142 AASHTO T112	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng rửa cốt liệu, đồng hồ bấm giây, tấm kính, que hoặc kim sắt nhỏ
	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572:06; ASTM C21 AASHTO T40	Ống dung tích, cân kỹ thuật, bếp cách thủy, sàng, thang màu, thuốc thử

	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm đá gốc	TCVN 7572-10:06 ASTM D2938	Máy nén thủy lực, máy khoan và máy cưa đá, máy mài nước, thước kẹp, thùng ngâm
	Xác định độ nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	Máy nén thủy lực, xi lanh, cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thùng ngâm mẫu
	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572:06; AASHTO T96	Máy Los Angeles, bi thép, cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn 37,5 mm; 25 mm; 19 mm; 12,5 mm; 9,5 mm; 6,3 mm; 4,75 mm; 2,36 mm và 1,7 mm, tủ sấy
	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572:06; ASTM D4791 AASHTO T335	Cân kỹ thuật, thước kẹp cải tiến, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy
	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572:06; AASHTO T122	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt và kim nhôm, búa con
	Xác định hàm lượng sét	TCVN 344-86	ống nghiệm; bình dung tích; ống xi phông bằng thủy tinh; đũa thủy tinh đầu bịt cao su
	Xác định đương lượng cát (hệ số ES)	AASHTO T176 ASTM D241:1991 TCVN 14134-5 : 24	Bộ dụng cụ đương lượng cát
4	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG**		
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12	Nước cất, dầu hỏa, cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, cối sứ, chày sứ, rây 2mm, bếp cát, tủ sấy, bơm chân không, tỷ trọng kế, thiết bị ổn nhiệt, phễu nhỏ, cốc nhỏ
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, cốc nhỏ, rây 1mm, cốc sứ, chày sứ
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 14134-4:24	Đế gỗ, khuôn, mẫu đất, dụng cụ hình nón, quả cầu thăng bằng, tay cầm, vạch dấu, tấm kính nhám, rây 1mm, cối sứ và chày đầu bọc cao su, tủ sấy, dao, cân kỹ thuật và dụng cụ khác
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 14135-5: 24	Bộ sàng tiêu chuẩn đất, tủ sấy, nhiệt kế, cối và chày sứ, khay đựng đất, nước sạch và các thiết bị khác
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12 TCVN 12790: 20 22TCN 333-06	Cối đầm, chày đầm, cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy, hộp nhôm, dao gạt đất, khay

		AASHTO T99 ; T180 ASTM D698-00a	trộn, búa cao su, bình đựng nước
	Xác đinh khối lượng thể tích (Dung trọng)	TCVN 4202:12	Dao vòng, cân kỹ thuật, tấm kính, hộp nhôm, tủ sấy
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR). Trong phòng thí nghiệm	AASHTO T193-93 22TCN 332:06; TCVN 12792: 20 ASTM 1883	Cối đầm, chày đầm, thiết bị gia tải, vòng lực, đồng hồ biến dạng, cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy, giấy lọc, hộp đựng ẩm, khay
	Đất có lẫn thành phần của muối dễ hòa tan	Phụ lục D tại TCVN 9436 - 2012	Tủ sấy, cốc mỏ, ống hút, bình hút ẩm
	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất (cát) phương pháp lượng mất khi nung	14TCN 148: 05 AASHTO T267	Bình hút ẩm, cân kỹ thuật, cối và chày thủy tinh, ống chuẩn độ
5	**KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG**		
	Thử kéo	TCVN 197:14; ASTM A370: 11 AASHTO T68/68M AASHTO T244; JIS 2241	Máy kéo thép, thước kẹp, cân điện tử
	Thử uốn	TCVN 198:08; ASTM A370 ASTM A90/90M JIS 2248	Máy kéo thép, thước kẹp, cân điện tử
	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp uốn	TCVN 5401:10	máy kép
	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp kéo	TCVN 5403:10	máy kéo
	Thử kéo bu lông	TCVN 1916:95; ASTM A370	Máy kéo thép, thước kẹp
	Thử kéo thép ứng lực trước (D <=14,7mm)	ASTM A370	ống ghen, nao cáp
6	**BÊ TÔNG NHỰA**		
	Thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa nóng	TCVN 8820 : 2011 858/QĐ-BGTVT TCVN 12818 : 2019 AASHTO R35/M323 ASTM D6927 / D3515	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, máy lắc sàng, Máy nén Marshall, Máy quay ly tâm, Máy hút chân không,…..
	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860:2011 AASHTO T245	Máy nén Marshall, bộ khuôn đúc, búa đầm, bệ đầm, bộ giá giữ khuôn, dụng cụ tháo mẫu, thiết bị trộn BTN, thiết bị gia nhiệt, bể ổn nhiệt, khay , bay trộn, thanh gạt, cân kỹ thuật, nhiệt kế, thước kẹp, bút đánh dấu mẫu
	Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiếc sử dụng máy li tâm	TCVN 8860:2011 AASHTO T164	Máy quay ly tâm, giấy lọc, tủ sấy, bếp điện, lò nung, cân kỹ thuật, ống đong, cốc nung, bình hút ẩm và dụng cụ phụ trợ khác

	Phương pháp xác định thành phần hạt	TCVN 8860:2011 AASHTO T27	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, máy lắc sàng
	Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860:2011 AASHTO T209	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, nhiệt kế, tủ sấy và các dụng cụ phụ trợ khác
	Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tộng nhựa đã đầm nén	TCVN 8860:2011 AASHTO T166 AASHTO T275	Cân kỹ thuật, cân thũy tĩnh, dây treo, giỏ đựng mẫu, tủ sấy, nhiệt kế
	Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân kỹ thuật và dụng cụ phụ trợ khác
	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860:2011 AASHTO T304	Ống đong, phễu, tấm kính, khay, cân kỹ thuật, dao gạt
	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:17	Thung đong, phểu, giá đỡ, cân, tủ sấy
	Phương pháp xác định hệ số độ lu lèn	TCVN 8860:201 AASHTO T166	Máy khoan lấy mẫu, cân, bộ chày cối đầm.
	Phương pháp xác định độ rỗng dư	TCVN 8860:2011 AASHTO T269	Cân kỹ thuật, dây treo, giỏ đựng mẫu
	Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860:2011 ASTM D3203	Cân kỹ thuật, dây treo, giỏ đựng mẫu
	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860:2011 ASTM D3203	Cân kỹ thuật, dây treo, giỏ đựng mẫu
	Phương pháp xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860:2011 ASTM D6927 AASHTO T245	Máy nén Marshall, bộ khuôn đúc, búa đầm, bệ đầm, bộ giá giữ khuôn, dụng cụ tháo mẫu, thiết bị trộn BTN, thiết bị gia nhiệt, bể ổn nhiệt, khay , bay trộn, thanh gạt, cân kỹ thuật, nhiệt kế, thước kẹp, bút đánh dấu mẫu
	Cường độ chịu nén bê tông nhựa	22TCN 62-84 AASHTO T167	Máy hút chân không, cân kỹ thuật, nhiệt kế thủy ngân, chậu rửa
	Sức kháng trượt của bề mặt đường bằng pp con lắc anh	TCVN 10271: 2014	Thiết bị con lắc anh, thước cử đo, nhiệt kế điện tử
7	**NHỰA BITUM**		
	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05	Thiết bị xuyên kim, kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, bình chuyển tiếp, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế
	Xác định độ kéo dài ở 25oC	TCVN 7496:05	Khuôn, bể ổn nhiệt, thiết bị thử nghiệm, nhiệt kế
	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng bi)	TCVN 7497:05	Vòng, tấm lót, bi, vòng dẫn hướng, khung treo
	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05	Cốc thử, tấm gia nhiệt, đèn thí nghiệm, bếp và giá

			đỡ, nhiệt kế
	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163oC trong 5 giờ	TCVN 11711:17	Tủ sấy, giá quay, nhiệt kế, cốc mẫu
	Xác định lượng hòa tan trong Trichlorothylene	TCVN 7500:05	Cốc, lưới sợi thủy tinh, bình lọc, ống lọc, ống cao su, tủ sấy, hóa chất
	Xác định khối lượng riêng ở 25oC	TCVN 7501:05	Bình tỷ trọng kế, bình ổn nhiệt, nhiệt kế, nước cất
	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:05	Dây buộc, bình thủy tinh, nước cất, bếp đun, nhiệt kế
8	**THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG B.T.N**		
	Thành phần hạt	TCVN 12884: 2020	Bộ sàng bột khoáng, cân điện tử, bát xứ, chày giã đầu bịt cao su, bình đựng nước, bình hút ẩm
	Hàm lượng nước (Độ ẩm)	TCVN 12884: 2020	Cân kỹ thuật, tủ sấy, hộp nhôm
	Khối lương riêng của bột khoáng chất	TCVN 8735: 2012	Bình tỷ trọng, cân kỹ thuật, máy hút chân không, bình để rửa, nhiệt kế, tủ sấy, sàng bát sứ, bình hút ẩm, dầu hỏa
	Hệ số háo nước	TCVN 12884: 2020	Cân kỹ thuật, tủ sấy, hộp nhôm
	Chỉ số dẻo	TCVN 4197: 2012 TCVN 14134-4:24	Cân kỹ thuật, tủ sấy, hộp nhôm, dụng cụ Casagrande
9	**THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG**		
	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN12790: 2020 AASHTO T204 ASTM D2937	Dao đai bằng đồng hay bằng thép 1000cm3 hoặc 200cm3, cân kỹ thuật, dao gạt, hộp nhôm, tủ sấy và các dụng cụ phụ trợ khác
	Độ ẩm, Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:06 AASHTO T191 ASTM D1556	Bộ phễu rót cát, cát chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng, hộp nhôm và các dụng cụ phụ trợ khác
	Độ bằng phẳng mặt đường bằng thước dài 3 m	TCVN 8864:11	Thước thẳng, côn nêm, chổi
	Xác định modul đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	AASHTO T221 ASTM D1195 TCVN 8867 : 11	Cần đo võng Benkelman, xe tải
	Xác định modul đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861 : 11 AASHTO T256 ASTM D4695	Xe tải, kích thủy lực, tấm ép cứng, đồng hồ biến dạng, giá đỡ đồng hồ đo biến dạng, cát khô, thước ni vô
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11	Cát tiêu chuẩn, ống đong cát, bàn xoa, bàn chải sắt, thước dài 500mm, tấm chắn gió, cân kỹ thuật
	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nẩy để xác định	TCVN 9335:12	Máy đo siêu âm, súng bật nẩy

	cường độ nén bê tông		
	Cọc phương pháp thí nghiệm ngoài hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393: 2012 ASTM D1143	Kích gia tải, đồng hồ chuyển vị, cần nối, tấm gia tải, hệ thống chất tải, các dụng trợ phụ trợ khác
	Sử dụng súng bật nẩy xác định cường độ bê tông	TCVN 9334: 2012	Súng bật nẩy, đe chuẩn
	Sử dụng siêu âm xác định cường độ bê tông	TCVN 9357: 2012	Máy siêu âm, mẫu chuẩn
	Phương pháp không phá hủy sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nẩy để xác định cường độ của bê tông	TCVN 9335: 2012	Súng bật nẩy, đe chuẩn Máy siêu âm, mẫu chuẩn
	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí đường kính của cốt thép trong bê tông	TCVN 9356	Máy siêu âm
	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước	TCVN 7888:08	Máy ép thủy lực, thanh gối tựa, thước thép
10	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐẤT SÉT NUNG**		
	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09	Thước đo
	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09	Máy thử nén
	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09	Máy thử uốn, thước đo, các miếng kính, bay chảo
	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu
	Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng	TCVN 6355-5:09	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước đo, bình tỷ trọng
	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09	Thùng chứa mẫu, cân kỹ thuật
11	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG**		
	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ chịu nén; Xác định độ rỗng; Xác định độ hút nước; Xác định độ thấm	TCVN 6477:2016	Máy thử nén ,Thước lá thép, thước kẹp, cân kỹ thuật
12	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH TERRAZO**		
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền nén, uốn; Xác định độ hút nước; Xác định độ mài mòn bề mặt	TCVN 7744:2013	Thước đo Máy thử nén; Máy thử uốn, thước đo, các miếng kính, bay chảo; Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu; Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước đo, bình tỷ trọng; Thùng chứa mẫu, cân kỹ thuật
13	**CƠ LÝ NGÓI LỢP**		
	Xác định tải trọng uốn gãy; Độ hút nước; Xác định thời gian xuyên nước; Xác định khối lượng 1m2 ngói bão hòa nước	TCVN 4313:95	Thiết bị thử uốn, tủ sấy, cân kĩ thuật, ân kĩ thuật
14	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN**		
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén, độ rỗng, độ thấm nước; độ hút nước	TCVN 6476:99	Máy thử nén; Máy thử uốn, thước đo, các miếng kính, bay chảo; Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu; Cân kỹ thuật, tủ sấy,

			thước đo, bình tỷ trọng; Thùng chứa mẫu, cân kỹ thuật
15	**THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG**		
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; Xác định độ lưu động của vữa tươi; Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi; Xác định cường độ uốn và nén của vữa đó đóng rắn; Xác định độ hút nước của vữa đó đóng rắn;	TCVN 3121:2003 ASTM C109/C109M	Bộ sàng tiêu chuẩn, máy nén thủy tĩnh, cân kỹ thuật, . . .
	Thiết kế thành phần cấp phối vữa	TCVN 10796:2015	Máy trộn, côn thử độ sụt, cân kỹ thuật, khuôn đúc mẫu, máy nén,…
16	**THỬ NGHIỆM GẠCH XI MĂNG**		
17	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ mài mòn, độ hút nước, tải trọng uốn gẫy toàn viên, độ cứng lớp mặt của gạch xi măng lát nền	TCVN 6065:1995	Viên bi sắt hình cầu, Thước ống dài, Máy uốn
18	**THỬ NGHIỆM GẠCH LÁT NỀN**		
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ mài mòn, độ hút nước, tải trọng uốn gẫy toàn viên, độ cứng lớp mặt của gạch xi măng lát nền	TCVN 6065:1995	Máy mài, cân kỹ thuật, Thước cặp, Máy uốn,. . .
19	**THỬ NGHIỆM CÁC SẢN PHẨM ĐỊA KỸ THUẬT XÂY DỰNG**		
	Xác định cường độ kéo giật và độ dãn dài	ASTM D 4632:08 TCVN 8871-1:2011 ASTM D882	Kéo, ngàm kẹp, dụng cụ đo kích thước, thiết bị làm ẩm
	Xác định sức kháng xuyên thủng thanh	ASTM D 4833:07 TCVN 8871-4: 2011	Thiết bị nén, mũi xuyên, ngàm kẹp
	Xác định cường độ xé rách hình thang	ASTM D 4533:09 TCVN 8871-2: 2011 ASTM D624	Kéo, ngàm kẹp, dụng cụ đo
	Xác định trọng lượng	ASTM D 5261:10 TCVN 8221: 2013	Kéo, thước, khuôn mẫu hình vuông
	Xác định cường độ chịu kéo và độ dãn dài	ASTM D 4595:09 TCVN 8485:2010	Kéo, thiết bị độ đo dãn dài, thuốc thử
	Xác định khối lượng đơn vị thể tích	ASTM D 1505:10	Kéo, thước
	Sức kháng xuyên thủng CBR	ASTM D 4632:08 TCVN 8871-3: 2011	Thiết bị nén, mũi xuyên, ngàm kẹp
	Kích thước lỗ hiệu dụng	ISO 12956:10 TCVN 8871-6: 11 ASTM4751	Thiết bị lắc, khay và khung ray
	Khối lượng riêng	ASTM D 792:08	Kéo, thước, khuôn lấy mẫu
	Hệ số thấm	ASTM D4491	Máy đo hệ số thấm đứng
20	**THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG, VỮA CHO BÊ TÔNG NHẸ**		
	Xác định kích thước hạt lớn nhất	TCVN 3121-1:03 TCVN 9028: 11	Tủ sấy, cân kỹ thuật
	Xác định độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 9028: 11	Cân kỹ thuật, tủ sấy

	Xác định cường độ uốn, nén của vữa đã đóng rắn	ASTM C109-11b	Máy nén, bộ gá, thước thép
	Xác định độ chảy của vữa tươi	ASTM C939	Tủ sấy, cân kỹ thuật
	Xác định độ tách nước, độ trương nở của vữa	TCVN 9204: 12 ASTM C940	Máy trộn
21	**KIỂM TRA CỐNG HỘP BÊ TÔNG CỐT THÉP**		
	Kiểm tra ngoại quan, khuyết tật nhãn mác, kích thước và độ sai lệch; thử nghiệm khả năng chịu tải của đốt cống; khả năng chống thấm	TCVN 9113: 12	Máy ép thủy lực, thanh gối tựa, thanh truyền lực
22	**KIỂM TRA ỐNG BÊ TÔNG CỐT THÉP THOÁT NƯỚC**		
	Kiểm tra ngoại quan, khuyết tật nhãn mác, kích thước và độ sai lệch; thử nghiệm khả năng chịu tải của đốt cống; khả năng chống thấm	TCVN 9116: 12	Máy ép thủy lực, thanh gối tựa, thanh truyền lực

III. Danh sách máy móc thiết bị

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ngày hợp đồng	Ngày Giao nhận thiết bị	Hóa đơn	Ghi chú
1.	Cân kỹ thuật 5200g±0.01g	1		05/06/2023	424	
2.	Cân điện tử 15000g±0.5g	2		05/06/2023 19/07/2023	424 54	
3.	Cân đồng hồ 60000g±50g	1		04/05/2008	0018667	
4.	Máy nén bê tông điện tử 2 thang đo: 0 – 2000kN/0.1KN	1	08/05/2006	11/05/2006	0099543	
5.	Máy nén bê tông điện tử 1 thang đo: 0 – 300kN/0.01 kN	1	22/03/2016	04/05/2016	00001101	
6.	Máy thử thép uốn, kéo, nén vạn năng. Chỉ thị lực nén bằng đồng hồ cơ 3 thang đo 0 – 200KN/0,5kN; 0 – 500KN/1kN; 0 – 1000KN/2kN;	1	08/05/2006	11/05/2006	0099543	
7.	Máy thử kéo, nén vạn năng. Chỉ thị lực nén bằng đồng hồ điện tử thang đo: 0 – 30 kN/0,01kN	1	12/02/2015	03/03/2015	0000355 0000357	
8.	Máy thí nghiệm Marshall bê tông nhựa vận tốc ép 50,8mm/phút và cung lực 30 kN/0,01kN	1	02/10/2009	14/102009	0169519	
9.	Máy CBR trong phòng Hai tốc độ: 1.0mm/min và 1.27mm/min, nguồn 220V, và cung lực 50 kN	1	02/10/2009	23/11/2002	0145682	
10.	Kích thủy lực 150 kN Phạm vi đo (0-600 kgf/cm^2) Vạch chia 10 kgf/cm^2	2		2022		
11.	Khung thử nén ba cạnh ống bê tông cốt thép + Kích thủy lực 200 kN/ (0-40 MPa). Vạch chia 0.2	1		29/08/2012	0008250	

	MPa					
12.	Khung thử uốn cọc bê tông cốt thép ly tâm + Kích thủy lực 200 kN/ (0-40 MPa).Vạch chia 0.2 MPa	1		29/08/2012	0008250	
13.	Kích thủy lực 1000 kN Phạm vi đo (0-60 MPa) Vạch chia 1 MPa	1		03/05/2008	0017455	
14.	Kích thủy lực 2000 kN Phạm vi đo (0-60 MPa) Vạch chia 1 MPa	1		10/04/2013	0094091	
15.	Kích thủy lực 3000 kN Phạm vi đo (0-60 MPa) Vạch chia 1 MPa	1		28/09/2009		
16.	Đồng hồ so 0-10/0.01mm	4		28/09/2009	53774	
17.	Đồng hồ so 0-50/0.01 mm	8		28/09/2009	53774	
18.	Búa thử bê tông thang độ cứng: 10 – 70 N/mm2; lực va đập: 2,207Nm	1		15/07/2010		
19.	Máy siêu âm cường độ bê tông Dãy sóng (0-9999, 9μs) ± 0.1μs	1	01/07/2010	15/07/2010	0164867	
20.	Máy siêu âm đường kính cốt thép, vị trí cốt thép, chiều dầy lớp phủ bê tông (loại S)	1	01/07/2010	15/07/2010	0164867	
21.	Bộ rây sàng: 70; 40; 20; 10; 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315; 0.14mm + đáy và nắp (D=300mm)	11		2010		
22.	Bộ rây sàng: 50; 37.5; 25; 19; 16; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3, 0.15; 0.075mm + đáy và nắp (D=300mm)	18		15/05/2023	352	
23.	Bộ rây sàng: 75; 63; 50; 37.5; 25; 12.5; 9.5; 6.3; 4.75; 2.36; 1.7; 1.18; 0.6; 0.3, 0.15; 0.075mm + đáy và nắp (D=200mm)	16		2010		
24.	Tủ sấy 136 lít, giải nhiệt độ hoạt động: tới 300°C, Sai số 10°C	1		2009		
25.	Máy và bình hút chân không Lưu lượng : 60lít/phút, độ chân không đạt được : 6x10-2mmhg Bình chân không : D=180mm, H=250mm	1		2016		
26.	Côn thử độ sụt bêtông Côn kích thước D100/d200xh300mm, kèm khay tôn 600x600x600mm, thanh đầm, phễu rót, xẻng xúc vật liệu	2		2009		
27.	Bộ cối chày proctor D=101.6mm,V=944cm3 D=152.4mm,V=2124cm3 chày 2" nặng 2.495kg và chày 4" nặng 4.536kg	2		12/09/2005		
28.	Phễu rót và bộ thùng đong xác	4		12/09/2005		

	định khối lượng thể tích xốp vật liệu. Phễu rót thể tích > 25 lít ; Ong đong có đường kính D = 2 ; 2 ; 5; 10 ; 20 lít					
29.	Bình tỷ trọng Le chatelier Thể tích = 250ml	1	25/07/2005	12/09/2005	0047110	
30.	Bộ kim Vica Trọng lượng phần tác dụng lên mẫu cả kim: 300g, kèm 3 khuôn, 2 tấm kính, 1 kim 10mm, 2 kim 1mm và 2 khuôn hình nón	1	25/07/2005	12/09/2005	0047109	
31.	Bộ khuôn Le chatelier Xác định độ ổn định thể tích xi măng	1	25/07/2005	12/09/2005	0047109	
32.	Dụng cụ kiểm tra độ đàn hồi của khuôn Le chatelier Gồm giá để khuôn có chia vạch đến 1mm; quả gia tải 300grs.	1	25/07/2005	16/11/2005	0067832	
33.	Bàn dằn (quay tay) Xác định hàm lượng nước của xi măng ; Kèm khuôn côn tiêu chuẩn; thước kẹp; chày đầm mẫu.	1	25/07/2005	16/11/2005	0067832	
34.	Máy dằn tạo mẫu xi măng. Nguồn điện: 220VAC; 70W. Bộ điều khiển cài đặt và khống chế chu kỳ làm việc là 60 lần/phút.	1	25/07/2005	16/11/2005	0067832	
35.	Khuôn đúc mẫu 40x40x160mm. Khuôn kép ba. Dụng cụ gá uốn mẫu. Kiểm tra giới hạn bền uốn của mẫu 40x40x160mm trên máy nén. Đường kính gối uốn: 10mm; khoảng cách giữa hai gối uốn: 100mm. Búa uốn phía trên với đường kính 10mm nằm giữa hai gối uốn phía dưới theo phương nằm ngang.40x40x160mm Dụng cụ gá nén mẫu 40x40mm. Kiểm tra giới hạn bền nén của mẫu 40 x 40mm trên máy nén.	4	25/07/20025	12/09/2005	0047109	
36.	Bộ khuôn nén dập trong xi lanh của đá. Xi lanh làm bằng thép dày 5mm: loại D75xh75 và D150 x h150mm; piston cho 02 loại xi lanh trên và tấm đế.	2		2009		
37.	Bình xác định hàm lượng bụi bùn sét của cát. Bình trụ bằng thép phủ sơn dày 1mm D120 x h320mm có 02 vòi với van khoá để cấp nước; vòi tràn.	2		2009		
38.	Bảng màu chuẩn Dùng xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	1		2014		
39.	Lò nung Dùng xác định lượng tổn thất do nung, nhiệt độ tối đa 1200°c, có núm điều chỉnh nhiệt	1		1/10/2005		

	định khối lượng thể tích xốp vật liệu. Phễu rót thể tích > 25 lít ; Ong đong có đường kính D = 2 ; 2 ; 5; 10 ; 20 lít					
29.	Bình tỷ trọng Le chatelier Thể tích = 250ml	1	25/07/2005	12/09/2005	0047110	
30.	Bộ kim Vica Trọng lượng phần tác dụng lên mẫu cả kim: 300g, kèm 3 khuôn, 2 tấm kính, 1 kim 10mm, 2 kim 1mm và 2 khuôn hình nón	1	25/07/2005	12/09/2005	0047109	
31.	Bộ khuôn Le chatelier Xác định độ ổn định thể tích xi măng	1	25/07/2005	12/09/2005	0047109	
32.	Dụng cụ kiểm tra độ đàn hồi của khuôn Le chatelier Gồm giá để khuôn có chia vạch đến 1mm; quả gia tải 300grs.	1	25/07/2005	16/11/2005	0067832	
33.	Bàn dằn (quay tay) Xác định hàm lượng nước của xi măng ; Kèm khuôn côn tiêu chuẩn; thước kẹp; chày đầm mẫu.	1	25/07/2005	16/11/2005	0067832	
34.	Máy dằn tạo mẫu xi măng. Nguồn điện: 220VAC; 70W. Bộ điều khiển cài đặt và khống chế chu kỳ làm việc là 60 lần/phút.	1	25/07/2005	16/11/2005	0067832	
35.	Khuôn đúc mẫu 40x40x160mm. Khuôn kép ba. Dụng cụ gá uốn mẫu. Kiểm tra giới hạn bền uốn của mẫu 40x40x160mm trên máy nén. Đường kính gối uốn: 10mm; khoảng cách giữa hai gối uốn: 100mm. Búa uốn phía trên với đường kính 10mm nằm giữa hai gối uốn phía dưới theo phương nằm ngang.40x40x160mm Dụng cụ gá nén mẫu 40x40mm. Kiểm tra giới hạn bền nén của mẫu 40 x 40mm trên máy nén.	4	25/07/20025	12/09/2005	0047109	
36.	Bộ khuôn nén dập trong xi lanh của đá. Xi lanh làm bằng thép dày 5mm: loại D75xh75 và D150 x h150mm; piston cho 02 loại xi lanh trên và tấm đế.	2		2009		
37.	Bình xác định hàm lượng bụi bùn sét của cát. Bình trụ bằng thép phủ sơn dày 1mm D120 x h320mm có 02 vòi với van khoá để cấp nước; vòi tràn.	2		2009		
38.	Bảng màu chuẩn Dùng xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	1		2014		
39.	Lò nung Dùng xác định lượng tổn thất do nung, nhiệt độ tối đa 1200°c, có núm điều chỉnh nhiệt	1		1/10/2005		

	độ					
40.	Bình xác định hàm lượng bụi bùn sét của đá. Bình trụ bằng thép phủ sơn dày 2mm D250 x h350mm có 02 vòi với van khoá để cấp nước; vòi tràn.	1		2009		
41.	Khuôn kép ba đúc mẫu vữa XM. Kích thước: 50,5 x 50,5 x 50,5mm. Khuôn bằng gang; ba mẫu liền nhau.	2		2010		
42.	Các bộ khuôn đúc mẫu BTXM. Kích thước: Lập phương150x150x150mm; trụ 150x300mm , uốn 150x150x600mm	30		05/06/2023 21/02/2023 15/05/2012	424 32 873	
43.	Các Bộ gá nén, uốn. Bộ gá nén gạch BT tự chèn, gạch xây ;Bộ gá uốn vữa XM, uốn BTXM	2		2020		
44.	Bộ dao đai (dao vòng). Thể tích V = 130, 176, 580, 1000cm3 dùng xác định khối lượng thể tích (K) của đất tại hiện trường	5		14/12/13	15777	
45.	Cần benkenman. Tấm ép tĩnh, ống trụ(Hệ số 1-2)	3		06/03/2008	0088312	
46.	Bộ khuôn đường kính D = 25mm dùng thí nghiệm bột khoáng	1		2010		
47.	Máy kiểm tra độ mài mòn Los Angeles.Kích thước thùng: D711 x 1508mm.Tốc độ vòng quay: 30 - 33 rpm. Kèm 12 bi thép D48mm; trọng lượng 405 - 450grs/viên. Nguồn: 220V; 1,1KW.	1	13/07/2007	13/07/2007	0051140	
48.	Bể ổn nhiệt bê tông nhựa. Bộ điều khiển cài đặt nhiệt độ theo yêu cầu; hiển thị nhiệt độ bằng màn hình kỹ thuật số. Kích thước trong: 72 x 32 x 42cm. Phạm vi nhiệt độ 100 oC.	1	02/10/2009	14/102009	0169519	
49.	Máy xác định độ dãn dài của nhựa. Máy có thể thử cho 03 mẫu cùng một lúc. Chiều dài kéo tối đa: 1500mm; tốc độ: 50mm/min. Kèm theo 03 khuôn đúc mẫu nhựa bằng đồng. Nguồn: 220V; 70W.	1		05/06/2023	424	
50.	Thiết bị xác định điểm hoá mềm của nhựa tự động. Có motor khuấy từ có thể điều chỉnh tốc độ. Hệ thống vi xử lý cung cấp nhiệt độ với tốc độ tăng nhiệt 5°C/phút theo tiêu chuẩn với việc liên tục đo nhiệt độ bên trong cốc thủy tinh	1		2020		

51.	Thiết bị xác định độ kim lún nhựa, Dải đo: 0 - 300 đơn vị xuyên (tương đương với 0-30mm), Độ phân giải: 0,01 mm, Tải thử: 100g, trong đó piston l 97,5 g + kim xuyên l 2,5 g, Thời gian thử: 5 giây	1		2010		
52.	Máy tách nhựa bằng phương pháp li tâm. Motor điều khiển tốc độ vô cấp 3000rpm; lượng mẫu tối đa: 4.5Kg. Kèm theo 100 tờ giấy lọc. Nguồn: 220V; 550W.	1		2009		
53.	Máy đầm mẫu marshall BTN. Loại máy tiêu chuẩn, một chỗ đầm, khuôn không quay.Máy bao gồm bộ phận đầm nén bằng cơ khí, chân máy bằng gỗ sồi v khuôn Marshall 4" (101,6mm)	1		2015		
54.	Bộ khuôn đúc mẫu BTN. Khuôn mẫu nén :D = 101.6mm, H = 11.7mm ; Khuôn Marshall : D = 101.6mm, H = 63.5mm ; Kèm tấm đế ,ống lấy mẫu	12		2009		
55.	Ống đong Thể tích 1000ml	2		2009		
56.	Bộ quả dọi vaxiliev xác định giới hạn chảy. Khuôn đựng mẫu, đế đỡ và quả dọi	1				
57.	Bộ casagrande xác định giới hạn chảy. Dụng cụ bao gồm cốc mẫu bằng đồng gắn trên máy có đế bằng su có thể điều chỉnh chiều cao rơi và đếm số lần va đập; dụng cụ khía rãnh với bộ dao trộn ; muỗng trộn; đĩa bay hơi bằng sứ; bình xịt nước	1		2010		
58.	Tấm nhám xác định giới hạn dẻo. Qui cách: 300 x 300 x 10mm.	1		2010		
59.	Bộ khuôn CBR vật liệu bằng thép mạ. Gồm:- Khuôn f152 x 177.8mm: 01 cái.- Đế khuôn: 01 cái.- Cổ khuôn: 01 cái.- Đĩa gia tải có rãnh 2,270grs: 01 Cái.- Đĩa gia tải tròn 2,270grs: 01 Cái.- Đĩa đo trương nở: 01 Cái.- Đĩa phân cách: 01 Cái.- Giá đỡ đồng hồ: 01 Cái.- Đồng hồ 10 x 0.01mm - TQ: 01 Cái. - Việt Nam.	6		23/11/2009	0145682	
60.	Thiết bị thí nghiệm hệ số thấm của cát. Gồm khuôn đựng mẫu, lưới lọc, các ống áp kế thuỷ tinh; thước thép chia vạch;	1		26/07/2010	0018560 0020088 0056472 0069553	
61.	Thước 3 mét xác định độ bằng phẳng mặt đường. Thước gồm 02 đoạn bằng nhôm có thể gấp được,	1	02/10/2009	14/10/2009	0169519	

	kèm thước tiểu li đo khe hở và túi da bảo quản.					
62.	Phễu rót cát thí nghiệm độ chặt nền đường. Gồm tấm đế, phễu rót cát có van khóa và bình nhựa đựng cát	3		19/10/2010	0164876	
63.	Dụng cụ xác định độ nhám mặt đường theo PP rắc cát. Ong đong cát, bàn xoa, cát chuẩn	1		2005		
64.	Thiết bị xác định tải trọng tĩnh của đất tại hiện trường	1		2010		
65.	Thiết bị xác định sức chịu tải của cọc. Tấm nén, hệ thống chất tải (khối bêtông), hệ thống đo lực đã định chuẩn (Kích thủy lực 200tấn), đồng hồ đo biến dạng (cx ± .05mm)	1		2010		
66.	Bình tỷ trọng có ống mao dẫn Thể tích 100ml	5		2005		
67.	Ống hút pipette 5ml, 50ml ; kèm theo quả bóp	2		2005		
68.	Đũa thủy tinh, phễu thủy tinh Đũa dài 300mm, Phễu D= 60mm, 80mm	2		2005		
69.	Ống thủy tinh Thể tích 250ml, 500ml, 1000ml,	2		2005		
70.	Nhiệt kế điện tử 0 - 300°C, dãy đo 0.1 °C	1		2020		
71.	Máy trộn xi măng, vữa	1		2012		
72.	Máy khoan bêtông tông nhựa, ximăng. Động cơ máy nổ, lưỡi khoand=101mmchuyên dùng cho bêtông nhựa	1		06/09/2010	0147221	
73.	Máy khoan bêtông ximăng. Động cơ điện, lưỡi khoan d=40; 70; 100, 150 mm chuyên dùng cho bêtông nhựa và bêtông xi măng	1		08/05/2008	0168091 0081159 0025449 0072767 0008014	
74.	Máy cắt thép	1		2010		
75.	Máy cắt tạo mẫu	1		14/10/2009	0169519	
76.	Máy mài mòn gạch	1		2020		
77.	Bộ gá kéo bulong	1		2016		

2.3 Danh mục hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị

STT	Phương tiện đo lường	Số giấy hiệu chuẩn/ kiểm định	Ngàyhiệu chuẩn/ kiểm định	Ghi chú
1.	Máy kéo nén WE-1000B	090.01L/0326	06/03/2026	
2.	Máy thử nén TYA-2000	090.02L/0326	06/03/2026	
3.	Máy thử nén TYA-300	090.03L/0326	06/03/2026	
4.	Máy kéo nén	090.04L/0326	06/03/2026	
5.	Vòng lực máy Marshall	090.05L/0326	06/03/2026	
6.	Vòng lực máy xuyên CBR	090.06L/0326	06/03/2026	
7.	Kích thủy lực và đồng hồ áp suất	090.07L/0326	06/03/2026	
8.	Kích thủy lực và đồng hồ áp suất	090.08L/0326	06/03/2026	
9.	Kích thủy lực	090.09L/0326	06/03/2026	
10.	Kích thủy lực	090.10L/0326	06/03/2026	
11.	Cân kỹ thuật	090.11K/0326	06/03/2026	
12.	Cân kỹ thuật	090.12K/0326	06/03/2026	
13.	Cân kỹ thuật	090.13K/0326	06/03/2026	
14.	Cân kỹ thuật	090.14K/0326	06/03/2026	
15.	Đồng hồ so	090.15D/0326	06/03/2026	
16.	Đồng hồ so	090.16D/0326	06/03/2026	
17.	Đồng hồ so	090.17D/0326	06/03/2026	
18.	Đồng hồ so	090.20D/0326	06/03/2026	
19.	Đồng hồ so	090.21D/0326	06/03/2026	
20.	Đồng hồ so	090.22D/0326	06/03/2026	
21.	Đồng hồ so	090.23D/0326	06/03/2026	

22.	Tủ sấy	090.24N/0326	06/03/2026	
23.	Bể điều nhiệt	090.25N/0326	06/03/2026	

IV. Danh sách cán bộ quản lý, thí nghiệm viên

STT	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ có liên quan lĩnh vực thử nghiệm	Loại hợp đồng lao động	Kinh nghiệm công tác (năm)	Công việc được giao
1	Huỳnh Ngọc Minh Châu	- Số: 289516 ngày 03/01/2001 Trường ĐHGTVT. Kỹ sư QTKQ giao thông vận tải - Số: 11/2005/VKH-THXD Viện khoa học công nghệ xây dựng, Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Số: 129/CC-GĐ Cục giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm định chất lượng về công trình xây dựng - Số: 560.3/2004/VKH-TNXD Viện Khoa học Công nghệ xây dựng, PP xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường	Không thời hạn	24	Giám đốc
2	Lê Phú Đăng	- Số: MTMC/ISO 17025.HGI.03 ngày 15/05/2024, CTY TNHH Tư vấn Quản lý Miền Trung. - Số: 20/2005/TTCN-TNV, ngày 02/06/2005, Trung tâm nghiên cứu công nghệ & Thiết bị công nghiệp - Đại học Bách khoa TP. Hồ chí Minh, Phương pháp xác định các tính chất cơ bản của đất - Số: 1259/ĐT.068.08, ngày 16/05/2008, Trung Tâm kỹ thuật tiêu	Không thời hạn	22 năm	Trưởng phòng – Thí nghiệm viên

		chuẩn đo lường chất lượng 3, Thử nghiệm Bê tông nhựa - Số: 201410007/VKHCN, ngày 13/02/2015, Viện khoa học công nghệ về đầu tư xây dựng, Thử nghiệm tính chất cơ lý của thép xây dựng - Số: 12/03/2018/TNVL, ngày 30/03/2018, Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD Nhiệt đới, Phương pháp xác định tính chất cơ lý của xi măng, bê tông và cốt liệu cho bê tông trong phòng thí nghiệm và hiện trường - Số: 11/03/2018/TNVL, ngày 30/03/2018, Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD Nhiệt đới, thí nghiệm hiện trường, kiểm tra tính chất hóa học của nước cho xây dựng			
3	Trần Văn Sơn	- Số: 9679/2011/VKH-TNXD, ngày 17/11/2011, Viện khoa học công nghệ xây dựng, Kiểm tra chất lượng bê tông bằng pp không phá hủy. - Số: 5500/ĐT.06, ngày 22/11/2006, Trung Tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3, Thử nghiệm chất lượng nền và mặt đường tại hiện trường. - Số: 201509009/VKHCN, ngày 13/02/2015, Viện khoa học công nghệ về đầu tư xây dựng, Thử nghiệm tính chất cơ lý của gạch xây và ngói lợp	Không thời hạn	19 năm	Thí nghiệm viên
4	Trần Ngọc Lắm	- Số: 5072/ĐT246.06, ngày 31/10/2006, Trung Tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3, Thử nghiệm Thép xây dựng - Số: 6819/2010/VKH-TNXD, ngày 28/04/2010, Viện khoa học công nghệ xây dựng, Thí nghiệm hiện trường kiểm	Không thời hạn	20 năm	Thí nghiệm viên

		tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc. - Số: 201408028/VKHCN, ngày 29/12/2014, Viện khoa học công nghệ về đầu tư xây dựng, Thử nghiệm tính chất cơ lý của bê tông và vật liệu chế tạo bê tông			
5	Huỳnh Huệ Tâm	- Số: 9039/2011/VKH-TNXD, ngày 09/06/2011, Viện khoa học công nghệ xây dựng, Phương pháp xác định các tính chất cơ lý Bê tông và Vật liệu xây dựng. - Số: 6818/2011/VKH-TNXD, ngày 28/04/2011, Viện khoa học công nghệ xây dựng, Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc. - Số: 201509006/VKHCN, ngày 13/02/2015, Viện khoa học công nghệ về đầu tư xây dựng, Thử nghiệm tính chất cơ lý của gạch xây và ngói lợp - Số: 10/03/2018/TNVL, ngày 30/03/2018, Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD Nhiệt đới, thí nghiệm hiện trường, Kiểm tra chất lượng bê tông bằng pp không phá hủy.	Không thời hạn	16 năm	Thí nghiệm viên
6	Phan Nhật Tâm	- Số: 201510021/VKHCN, ngày 27/02/2015, Viện khoa học công nghệ về đầu tư xây dựng, Thử nghiệm tính chất cơ lý của thép xây dựng - Số: 201503039/VKHCN, ngày 30/06/2015, Viện khoa học công nghệ về đầu tư xây dựng, Thử nghiệm tính chất cơ lý của xi măng, bê tông và vật liệu chế tạo bê tông - Số: 06/03/2018/TNVL, ngày 30/03/2018, Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD Nhiệt đới, thí nghiệm hiện trường, Phương pháp xác định tính chất cơ lý của đất trong phòng thí nghiệm và hiện trường.	Không thời hạn	12 năm	Thí nghiệm viên

7	Nguyễn Thanh Dũ	Bằng nghề số: 000305768/LĐTB-DN, ngày 03/06/2003, Trường Cao đẳng Giao thông vận tải III, thí nghiệm kiểm tra chất lượng đường ô tô	Hợp đồng chuyên gia theo dự án	03 năm	Thí nghiệm viên

Công ty Cổ phần Kiểm định và xây dựng Hậu Giang cam kết đã cung cấp đầy đủ thông tin và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ tài liệu đã công bố, cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 04 năm 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HẬU GIANG
GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1800649048 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HẬU GIANG
Q. NINH KIỀU - TP. CẦN THƠ

HUỲNH NGỌC MINH CHÂU